

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯỜNG NAM LAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHƯỜNG NAM LAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703204210

**3. Ngày thành lập:** 17/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số B12, đường số 1, Khu nhà ở Hoàng Hùng 5, Khu phố Chiêu Liêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0966372755

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                   | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663        |
| 7.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                     | 7110        |
| 8.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933        |
| 9.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                     | 5022        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                               | 5222        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                 | 5225        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                     | 5229        |
| 13. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730        |
| 14. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101(Chính) |
| 15. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211        |
| 17. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212        |
| 18. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221        |
| 19. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222        |
| 20. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223        |
| 21. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229        |
| 22. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291        |
| 23. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292        |
| 24. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293        |
| 25. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299        |
| 26. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 27. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 28. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN MINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 19/05/1971 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038071034699

Ngày cấp: 04/08/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 1/327, Khu phố Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1/327, Khu phố Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/05/1971 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038071034699

Ngày cấp: 04/08/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 1/327, Khu phố Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1/327, Khu phố Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương